



NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI

Số: 82/0 MB-HS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 3 tháng 7 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

I. Giới thiệu về tổ chức phát hành

1. Tên tổ chức đăng ký phát hành: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội**

2. Tên giao dịch: Ngân hàng Quân đội

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội

4. Điện thoại: (84-24) 6266 1088 Fax: (84-24) 6266 1080

5. Mã chứng khoán: MBB

6. Vốn điều lệ: 21.604.513.810.000 đồng

7. Nơi mở tài khoản: Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Số hiệu tài khoản: **119954**

8. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/09/1994, đăng ký thay đổi lần thứ 43 ngày 02/11/2018.

- Ngành nghề kinh doanh chính: MB hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật trong các lĩnh vực sau:

STT	Tên ngành	Mã số (mã ngành)
1	Hoạt động trung gian tiền tệ khác 1) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác. 2) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; đ) Bao thanh toán trong nước. 3) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng. 4) Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a) Cung ứng phương tiện thanh toán; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ. 5) Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước	6419

STT	Tên ngành	Mã số (mã ngành)
	<p>ngoài khác.</p> <p>6) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.</p> <p>7) Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.</p> <p>8) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.</p> <p>9) Dịch vụ môi giới tiền tệ.</p> <p>10) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>11) Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>12) Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>13) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>14) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.</p> <p>15) Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.</p> <p>16) Lưu ký chứng khoán.</p> <p>17) Ví điện tử</p> <p>18) Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.</p> <p>19) Mua nợ.</p> <p>20) Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).</p>	
2	<p>Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)</p> <p>Chi tiết:</p> <p>1) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.</p> <p>2) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.</p> <p>3) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>4) Kinh doanh giấy tờ có giá theo quy định của pháp luật.</p> <p>5) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.</p> <p>6) Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).</p>	6499

STT	Tên ngành	Mã số (mã ngành)
3	Bán buôn kim loại và quặng kim loại - Chi tiết: Kinh doanh mua, bán vàng miếng	4662
4	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm - Chi tiết: Đại lý bảo hiểm và các dịch vụ liên quan khác theo quy định của pháp luật	6622
5	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh - Chi tiết: Kinh doanh, mua bán vàng miếng	4773

- Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - Hoạt động huy động vốn;
 - Hoạt động cấp tín dụng;
 - Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ;
 - Các sản phẩm, dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- Tổng mức vốn kinh doanh tại thời điểm 30/06/2019 (theo báo cáo Tài chính hợp nhất soát xét):
 - Vốn điều lệ: 21.604.513.810.000 đồng;
 - Vốn chủ sở hữu: 35.526.197.158.578 đồng;
 - Tổng nguồn vốn: 402.264.372.264.050 đồng;

II. Mục đích phát hành cổ phiếu

Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên Ngân hàng TMCP Quân đội theo danh sách chốt tại thời điểm 30/06/2019.

III. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần
4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 2.160.451.381 cổ phần
5. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 2.113.398.401 cổ phần
6. Số lượng cổ phiếu quỹ: 47.052.980 cổ phần
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 43.209.027 cổ phần
8. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 432.090.270.000 đồng
9. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phần dự kiến phát hành/số vốn điều lệ): 2%
10. Nguồn vốn: Không có
11. Hạn chế chuyển nhượng (nếu có): Cổ phiếu chào bán cho cán bộ nhân viên bị hạn chế chuyển nhượng trong 05 năm kể từ thời điểm Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. Hà Nội cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ghi nhận mức vốn điều lệ mới cho MB, trong đó: trong vòng 02 năm đầu hạn chế chuyển nhượng 100%, đến năm thứ 03 tỉ lệ cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng giảm xuống còn 75%, đến năm thứ 04 tỉ lệ cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng

giảm xuống còn 50%, đến năm thứ 05 tỉ lệ cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng giảm xuống còn 25%, hết năm thứ 05 toàn bộ 100% cổ phiếu được tự do chuyển nhượng.

Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng (được giải tỏa từng năm) tính theo số nguyên.

12. Thời gian thực hiện: dự kiến trong tháng 9, tháng 10; ngày kết thúc nộp tiền 14/10/2019. *ph*

Nơi nhận:

- NHNN, UBCK, SGDCK HCM;
- HĐQT, BKS;
- Lưu Phòng Hành chính HO.

TỔNG GIÁM ĐỐC *VB*



Lưu Trung Thái

